

Đông Anh, ngày 26 tháng 06 năm 2024

## THÔNG BÁO

Mời chào giá gói thầu “Cung cấp máy tính, máy in và các thiết bị khác”

### Kính gửi: Các công ty, nhà cung cấp

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15/02/2024 của Bộ kế hoạch và đầu tư về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện đa khoa Đông Anh đang có nhu cầu tham khảo giá để xây dựng dự toán và xây dựng kế hoạch đấu thầu phục vụ hoạt động chuyên môn của bệnh viện, chi tiết danh mục và các yêu cầu như phụ lục kèm theo.

Thông báo này cũng được đăng tải công khai trên trang web chính thức của Bệnh viện đa khoa Đông Anh tại địa chỉ: <http://bvdkdonganh.com/>.

Kính mời các công ty, nhà cung cấp có khả năng đáp ứng được yêu cầu gửi báo giá cho chúng tôi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại địa chỉ sau:

Tên cơ quan: Phòng Tổ chức hành chính, Tầng 3 nhà A, Bệnh viện đa khoa Đông Anh

Địa chỉ: Tổ 1 Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 19001156 (102)

Hạn cuối cùng nhận Báo giá: 05/07/2024 (Trong giờ hành chính)

Mọi chi tiết về yêu cầu của phần mềm xin liên hệ số điện thoại: 0985853389 (Đ/c Phương – Chuyên viên phòng Tổ chức hành chính)

Trân trọng cảm ơn!

#### Nơi nhận:

- Như trên ;
- Lưu: TCHC.

GIÁM ĐỐC



Chu Đình Năng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo của bệnh viện đa khoa Đông Anh ngày 26/06/2024)

| STT | Danh mục        | Thung số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 1   | Máy tính để bàn | <p><b>Bộ vi xử lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Core i5 12600K</li><li>- Socket: FCLGA1700</li><li>- Tục đủ cơ bản:</li></ul> <p>Performance-core Max Turbo Frequency: 4.90 GHz<br/>Efficient-core Max Turbo Frequency: 3.60 GHz<br/>Performance-core Base Frequency: 3.70 GHz<br/>Efficient-core Base Frequency: 2.80 GHz</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cache: Bộ nhớ đệm: 20 MB, Total L2Cache: 9.5 MB</li><li>- Vi xử lý đồ họa: Intel® UHD Graphics 770</li></ul> <p><b>Bộ nhớ trong (RAM):</b> Ram RGB 8GB (1x8GB) DDR4 Bus 3200MHz</p> <p><b>Mainboard:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chipset: H610</li><li>- RAM Hỗ trợ: Support for DDR4 3200/3000/2933/2666/2400/2133 MHz memory modules</li><li>2 x DDR4 DIMM sockets supporting up to 64 GB (32 GB single DIMM capacity) of system memory</li><li>- Khe cắm mở rộng: 1 x PCI Express x16 slot, running at x16</li><li>1 x PCI Express x1 slot</li><li>- Cổng kết nối (Internal):</li><li>1 x 24-pin ATX main power connector</li><li>1 x 8-pin ATX 12V power connector</li><li>1 x M.2 Socket 3 connector</li><li>4 x SATA 6Gb/s connectors</li><li>1 x CPU fan header</li><li>2 x system fan headers</li><li>1 x RGB LED strip header</li><li>1 x front panel header</li><li>1 x front panel audio header</li><li>1 x USB 3.2 Gen 1 header</li><li>2 x USB 2.0/1.1 headers</li><li>1 x Trusted Platform Module header (For the GC-TPM2.0 SPI/GC-TPM2.0 SPI 2.0 module only)</li><li>1 x serial port header</li><li>1 x Clear CMOS jumper</li><li>- Cổng kết nối (Back Panel):</li><li>1 x PS/2 keyboard port</li><li>1 x PS/2 mouse port</li><li>1 x D-Sub port</li></ul> | Bộ  | 44       |

| STT | Danh mục      | Thùng số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | ĐVT   | Số lượng |
|-----|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------|
|     |               | <p>1 x DVI-D port<br/> 1 x DisplayPort<br/> 1 x HDMI 2.0 port<br/> 2 x USB 3.2 Gen 1 ports<br/> 4 x USB 2.0/1.1 ports<br/> 1 x RJ-45 port<br/> 3 x audio jacks</p> <p><b>Card mạng (LAN):</b> Intel® GbE LAN chip (1 Gbps/100 Mbps)</p> <p><b>Card màn hình:</b> Intel® UHD Graphics 770</p> <p><b>Ổ cứng:</b> SSD; Cổng kết nối: SATA3; Dung lượng: 250GB; Tốc độ đọc: 555MB/s; Tốc độ ghi: 440MB/s; Kích thước: 2.5 inch</p> <p><b>Màn hình:</b> Kích thước màn hình: 21.45 inch; Độ phân giải: FHD (1920x1080)</p> <p>Tỷ lệ: 16:9; Độ sáng: 250 cd/m2; Màu sắc: 16.7 triệu màu; Độ tương phản: 3000:1/3000:1</p> <p>Tần số quét: 60 Hz; Cổng kết nối: VGA; HDMI</p> <p><b>Nguồn:</b> Công suất danh định: 650W (công suất thực 650w )</p> <p>Đầu cấp điện cho main: 20+4pins - nguồn cấp cho Vga</p> <p>Đầu cấp điện cho ổ cứng: 1x24PIN, 12V8pin(4+4), 4xSATA, 2xPCI-6+2PIN, 4x4PIN</p> <p>Vỏ nguồn đen sơn tĩnh điện - Quạt làm mát: Fan 12cm</p> <p>Cổng nguồn mỏng đẹp thòch hợp đi dây đẹp; Điện áp vào: 200-240V</p> <p><b>Chuột, bàn phím:</b> Kết nối cổng USB</p> <p><b>Các phụ kiện khác:</b> vỏ case, phụ kiện đầy đủ để hoạt động tốt.</p> <p><b>Bảo hành:</b> Linh kiện theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu 12 tháng.</p> |       |          |
| 2   | Máy in thường | <p><b>Tốc độ in:</b> 12trang/phút (A4)</p> <p><b>Độ phân giải:</b> Công nghệ cải tiến độ mịn: Độ phân giải thực 600 x 600 dpi (2400 x 600 dpi tương đương với công nghệ lọc hình ảnh tự động AIR)</p> <p><b>Ngụ ngữ in:</b> CAPT (Công nghệ in cải tiến của Canon)</p> <p><b>Bộ nhớ:</b> Dựng bộ nhớ PC (bộ nhớ chuẩn 2MB trên board)</p> <p><b>Thời gian làm nóng máy:</b> 0 giây nếu để chế độ chờ (khung đến 10 giây sau khi bật nguồn)</p> <p><b>Thời gian in bản đầu tiên:</b> 9,3 giây hoặc nhanh hơn</p> <p><b>Khổ giấy:</b> Khay trước: A4, B5, A5, LGL, LTR, Executive, Giấy in bở thư C5/COM10/DL, Monarch; Khay tay: Giấy tiêu chuẩn (Chiều rộng: 76,2-215,9mm; Chiều dài : 127,0-355,6mm )</p> <p><b>Giấy vào:</b> Khay trước: 150 tờ; Khay tay: 1 tờ</p> <p><b>Giấy ra:</b> Mặt in ỳp xuống dưới: 100 tờ;</p> <p><b>Hỗ trợ hệ điều hành:</b> Windows, Linux (CUPS)</p> <p><b>Yêu cầu về công suất:</b> 220 — 240V (+/-10%), 50/60Hz (+/-2Hz)</p> <p><b>Giao diện:</b> Cổng USB 2.0 tốc độ cao</p>                                                                                                                                                                                                                               | Chiếc | 26       |

| STT | Danh mục           | Thung số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | ĐVT   | Số lượng |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------|----------|
|     |                    | <p><b>Cốc thiết bị đi kèm chuẩn:</b> Hộp mực 303, CD-ROM phần mềm dành cho người sử dụng , sách hướng dẫn sử dụng, dây cắm nguồn.</p> <p><b>Bảo hành:</b> theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu 12 tháng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |       |          |
| 3   | Máy in màu         | <p><b>Loại máy in:</b> Máy in màu khổ A4</p> <p><b>Khổ giấy tối đa :</b> A4, A5, A6, B5, 10x15cm(4x6Inch), 13x18cm(5x7Inch), 9x13cm(3.5x5Inch), Letter(8.5x11Inch), Legal(8.5x14Inch), 13x20cm(5x8Inch), 20x25cm(8x10Inch), 16:9 wide size, 100x148mm, Envelopes: #10(4.125x9.5), DL(110x220mm), C6(114x162mm).</p> <p><b>Khổ giấy in:</b> Tối đa khổ A4. Plain paper (80g/m2), Photo paper Epson 190g/m2)</p> <p><b>Tốc độ in:</b> 33 trang / phút (đen), 15 trang/phút (màu)</p> <p><b>Độ phân giải :</b> 5760 x 1440 dpi</p> <p><b>Kết nối:</b> USB 2.0</p> <p><b>Loại mực in thích hợp:</b> Epson 003 (C13T00V100 Black, C13T00V200 Cyan, C13T00V300 Magenta, C13T00V400 Yellow)</p> <p><b>In đảo mặt:</b> Khung</p> <p><b>Bảo hành:</b> theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu 12 tháng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | Chiếc | 2        |
| 4   | Máy in tem barcode | <p><b>Độ phân giải:</b> 203 dpi (8dot/mm)</p> <p><b>Phương pháp in:</b> In truyền nhiệt gián tiếp</p> <p><b>Tốc độ in tối đa:</b> 5 IPS (127 mm)/second</p> <p><b>Mực in sử dụng:</b> Ribbon: Wax, wax/resin, resin; Dài: 300m; Rộng: Min: 30mm(1.18”), Max: 110mm (4.33”); Chiều rộng nhón in tối đa: 108 mm (4.25”)</p> <p><b>Chiều dài nhón in tối đa:</b> Min: 4 mm( 0.16”) ; Max: 1727 mm(68”)</p> <p><b>Bộ xử lý CPU:</b> Bộ nhớ: 8MB Flash, SDRAM 16MB</p> <p><b>Cổng kết nối hệ thống:</b> usb2.0, serial, Parallel và Ethernet</p> <p><b>Mô vạc:</b> 1-D Bar Codes</p> <p>Codabar, Code 128 (subset A, B, C), EAN 128, RPS 128, UCC 128, UCC/EAN- 128 K-Mart, Random Weight, Post NET, ITF 14, China Postal Code, HIBC, MSI, Plessey, Telepen, FIM, and GS 1 DataBar</p> <p>2-D Bar Codes</p> <p>PDF4 17, Datamatrix code, MaxiCode, QR code, Micro PDF4 17, Micro QR code and Aztec code</p> <p><b>Độ dày nhón giấy in:</b> 0.003” (0.06 mm) Min. - 0.0 1” (0.25 mm) Max</p> <p><b>Pin:</b></p> <p>+ Điện năng yêu cầu: Auto Switching 100-240VAC, 50-60Hz</p> <p>+ Trọng lượng: 2.72kg</p> <p>+ Màu sắc: Màu đen</p> <p><b>Bảo hành:</b> theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu 12 tháng.</p> |  | Chiếc | 15       |
| 5   | Máy đọc mô vạc     | <p><b>Cung nghệ quét mô vạc:</b> Cụng nghệ laser diode650 nm</p> <p><b>Tốc độ quét:</b> 100 scans / giây</p> <p><b>Khoảng cớh đọc:</b> Từ điểm tiếp xýc tới 43 cm đối v ới 100% mó vạc UPC/EAN</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  | Chiếc | 15       |

| STT | Danh mục          | Thung số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | ĐVT   | Số lượng |
|-----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------|
| 6   | Máy tính xách tay | <p>Yêu cầu chất lượng in của mô vạch đọc được: 20% minimum reflective difference</p> <p>Roll (Tilt): 1 +/- 30°</p> <p>Pitch: 2 +/- 65°</p> <p>Skew (Yaw): 3 +/- 60°</p> <p><b>Khả năng giải mã các loại mô vạch:</b> UPC/EAN, UPC/EAN with Supplementals, UCC/EAN 128, Code 39, Code 39 Full ASCII, Code 39 TriOptic, Code 128, Code 128 Full ASCII, Codabar, Interleaved 2 of 5, Discrete 2 of 5, Code 93, MSI, Code 11, IATA, RSS variants, Chinese 2 of 5</p> <p><b>Kết nối với máy tính:</b> RS232, Keyboard, Wand, IBM 468X/9X, USB</p> <p>Voltage: 5 volts +/- 10%</p> <p>Dùng (cường độ dừng) khi hoạt động / khi chờ</p> <p>175 mA max / 130 mA typical</p> <p><b>Mục trường sử dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhiệt độ hoạt động: 32° to 122° F/0° to 50° C</li> <li>+ Nhiệt độ cất giữ: -40° to 158° F/-40° to 70° C</li> </ul> <p><b>Bảo hành:</b> Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu 12 tháng.</p> <p><b>Bộ vi xử lý:</b> Intel Core i5-1335U</p> <p>Số nhân: 10</p> <p>Số luồng: 12</p> <p>Tốc độ: Upto 4.6GHz</p> <p>Bộ nhớ đệm: 12MB Cache</p> <p><b>Bộ nhớ trong (RAM):</b> Dung lượng: 8GB 3200MHz DDR4</p> <p><b>Ổ cứng:</b> Dung lượng: 512GB M.2 2230 PCIe NVMe SSD</p> <p><b>Khe cắm SSD mở rộng</b></p> <p><b>Hiển thị:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màn hình: 14 inch</li> <li>- Độ phân giải: FHD (1920 x 1080)</li> <li>- Công nghệ màn hình: 60Hz, WVA/IPS, Non-Touch, Anti-Glare, 250 nit, NTSC 45%</li> </ul> <p><b>Đồ Họa (VGA):</b> Card màn hình: Intel Iris Xe Graphics cũ điều kiện khi sử dụng Dual RAM</p> <p><b>Kết nối (Network)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Wireless: Intel® Wi-Fi 6E AX211, 2x2, 802.11ax</li> <li>- LAN: 1 RJ-45 Ethernet port</li> <li>- Bluetooth: Có</li> </ul> <p><b>Bàn phím, Chuột</b></p> <p>Kiểu bàn phím: Bàn phím tiêu chuẩn</p> <p>Chuột: Cảm ứng đa điểm</p> <p><b>Giao tiếp mở rộng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1 USB 3.2 Gen 2 Type-C port with DisplayPort Alt mode/Power Delivery</li> <li>2 USB 3.2 Gen 1 port</li> </ul> | Chiếc | 1        |

| STT | Danh mục | Thung số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | ĐVT | Số lượng |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
|     |          | 1 USB 3.2 Gen 1 port with PowerShare<br>1 HDMI 1.4 port<br>1 universal audio port<br>1 power-adapter port<br><b>Camera:</b> 720p at 30 fps HD camera<br><b>Kiểu Pin:</b> 3-cell, 42 Wh<br><b>Sạc pin:</b> Đi kèm<br><b>Hệ điều hành (bản quyền) đi kèm :</b> Ubuntu<br><b>Màu sắc:</b> Đen<br><b>Bảo hành:</b> theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu 12 tháng. |     |          |